

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HS-ST
Ngày 08 - 01 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Tạ Thị Hải – Chủ tịch Hội khuyến học huyện K, tỉnh Gia Lai (nguyên là giáo viên).

+ Ông Nguyễn Văn Liễu – cán bộ hưu trí (nguyên là giáo viên).

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nay Gôm - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 34/2024/HSST ngày 01 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. R'Ô Đ, sinh năm 1995 tại huyện K, tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: Buôn I, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Jrai; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Kpă T và bà R ô Siêng; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. R1, sinh năm 2001 tại huyện K, tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: Buôn I, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: Jrai; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Kpă T và bà R ô Siêng; Tiền án, Tiền sự: Không;

Nhân thân xấu: Tại bản án số 05/2019/HS-ST ngày 19/3/2009 bị Tòa án nhân dân huyện K xét xử và tuyên phạt 06 tháng tù về tội cướp giật tài sản và 06 tháng

tù về tội trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt là 12 tháng tù. Đã chấp hành xong ngày 03/01/2020 và đã được xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho các bị cáo R'Ô Đơ và R Ô:* Bà Ngô Thị V - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người đại diện theo pháp luật cho các bị cáo R'Ô Đơ và R Ô:* Ông Kpă T, sinh năm 1964 và bà R ô S, sinh năm 1974. Ông T ủy quyền cho bà S tham gia tố tụng. Bà S có mặt tại phiên tòa.

Nơi cư trú: Buôn I, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- *Bị hại:* Anh Rcăm T1, sinh năm 1992 và chị Kpă H, sinh năm 1998

Nơi cư trú: Buôn I, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai. Anh T1 và chị H có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Đình T2, sinh năm 1988. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Khu phố T, thị trấn C, huyện S, tỉnh Phú Yên.

- *Người phiên dịch tiếng Jrai:* Anh Nay Dăm T3, sinh năm 1986. Có mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố G, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 12/3/2024, R'Ô Đ cùng với R1 đi bộ vào rẫy thì thấy anh Rcăm T1 điều khiển xe mô tô ngang qua nên nhờ anh T1 chở đi một đoạn nhưng anh T1 không chở mà tiếp tục đi. Đi bộ thêm một đoạn thì T6 đi về nhà, Đ tiếp tục đi đến rẫy. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, Đ đứng ở rẫy thấy anh T1 cùng vợ là chị Kpă H đi vào, để xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát: 81K9-7391 dưới gốc cây Điều ở rẫy nhà anh Rcăm T4 thuộc Buôn I, xã Đ rồi đi làm rẫy ở cách chỗ để xe khoảng 200m. Bực tức việc hỏi sáng nhờ nhưng anh T1 không chở, Đ nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô của anh T1. Đợi anh T1 và chị H đi xa, Đ đi đến chỗ dựng xe mô tô, thấy không có chìa khóa xe. Đ tìm xung quanh thì thấy một chiếc lưới kéo ở gần đó nên Đ cắm lưới kéo vào ổ khóa điện và mở được điện xe mô tô. Đ dắt xe mô tô đi một đoạn khoảng 20m để ra đường mòn. Sau đó, Đ điều khiển xe mô tô đi về vườn Keo ở gần nhà Đ cất giấu. Về đến nhà, Đ kể lại việc vừa trộm cắp xe mô tô biển kiểm soát: 81K9-7391 của anh Rcăm T1 cho anh R Ô T nghe. Sau đó, Đ và T6 dùng xe mô tô này đi đến xã C, huyện S, tỉnh Phú Yên chơi. Đến chiều cùng ngày Đ và T6 cùng tháo nhựa trước mặt nạ và hai bên yếm xe, nhựa ốp cụm đèn sau và bóng đèn sau ra rồi vứt xuống suối. o và T6 tiếp tục đi mua 02 (hai) hộp sơn rồi cùng xịt, sơn lại màu xe và tháo biển số xe ra vứt đi. Sau đó, T6 điều khiển xe mô tô chở Đ về lại huyện K, tối cùng ngày Đ và Thừa đến chòi rẫy ở xã C, huyện

K rồi ngủ lại. Tại chòi rẫy, Đ thấy biển số xe 78H5-8954 vớt trên chòi nên lấy biển số này gắn vào xe mô tô. Đ và T6 bàn bạc sẽ đem xe mô tô đi bán. Sáng ngày 13/3/2024, Đ điều khiển xe mô tô chở T6 đi đến cửa hàng X ở thị trấn C, huyện S, tỉnh Phú Yên do anh Trần Đình T2 là chủ cửa hàng, bán xe mô tô cho anh T2 với giá 2.000.000 đồng. Sau đó, Đ và T6 dùng số tiền này tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết định giá tài sản số: 06/KL-HĐĐGTS ngày 11/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K, xác định:

- 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát: 81K9-7391, số khung: 107Y158002, số máy: 5C61158002, có trị giá 11.000.000 đồng.

- Những hư hỏng của xe mô tô trên như sau: Xe bị tháo mất phần nhựa ốp mặt nạ trước và hai bên cánh yếm; bị tháo mất phần nhựa ốp cụm đèn sau, bị tháo mất 01 bóng đèn sau. Tổng trị giá đối với những hư hỏng trên là 2.200.000 đồng. Tổng giá trị bị thiệt hại là 13.200.000 đồng.

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số: 1315/KLGĐ ngày 30/7/2024 của Trung tâm P đối với R'Ô Đ như sau:

- Trước thời điểm gây án:

- a. Kết luận về y học: Tâm thần phân liệt thể không biệt định, tiến triển từng giai đoạn có thuyên giảm (F20.33).

- b. Kết luận về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

- Tại thời điểm gây án:

- a. Kết luận về y học: Tâm thần phân liệt thể không biệt định, tiến triển từng giai đoạn có thuyên giảm (F20.33).

- b. Kết luận về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

- Thời điểm hiện tại:

- a. Kết luận về y học: Tâm thần phân liệt thể không biệt định, tiến triển từng giai đoạn có thuyên giảm (F20.33).

- b. Kết luận về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

Kết luận giám định pháp y tâm thần số: 1313/KLGĐ ngày 30/7/2024 của Trung tâm P đối với R Ô T6 như sau:

- Trước thời điểm gây án:

- a. Kết luận về y học: Tâm thần phân liệt thể không biệt định, tiến triển từng giai đoạn có thuyên giảm (F20.33).

- b. Kết luận về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

- Tại thời điểm gây án:

a. Kết luận về y học: Tâm thần phân liệt thể không biệt định, tiến triển từng giai đoạn có thuyên giảm (F20.33).

b. Kết luận về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

- Thời điểm hiện tại:

a. Kết luận về y học: Tâm thần phân liệt thể không biệt định, tiến triển từng giai đoạn có thuyên giảm (F20.33).

b. Kết luận về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về các Kết luận nêu trên.

Đối với hành vi anh Nguyễn Đình T5 mua xe của bị cáo Đ và T6 không biết tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự với anh T5.

Đối với những phần bị tháo ra gồm: Nhựa ốp mặt nạ trước và hai bên cánh yếm, nhựa ốp cụm đèn sau, 01 bóng đèn sau của xe mô tô BKS: 81K9 – 7391, Cơ quan CSĐT cùng người vi phạm và Công an xã tổ chức truy tìm, nhưng không thấy.

Tại bản cáo trạng số 39/CT-VKS ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo R'ô Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và bị cáo R ô T6 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 (sau đây gọi tắt là BLHS).

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu.

Bị hại có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo R'ô Đ về tội “Trộm cắp tài sản” và bị cáo R ô T6 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX):

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của BLHS: Xử phạt bị cáo R'Ô Đ từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 19 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; Điều 38; điểm b, q, s khoản 1 Điều 51 của BLHS xử phạt bị cáo R Ô T6 từ 08 đến 12 tháng tù.

Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự nộp ngân sách Nhà nước.

Quan điểm bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý cho các bị cáo Đ và T6 đồng ý với bản luận tội của đại diện Viện sát nhân dân huyện K về tội danh, điều luật áp

dụng và các tình tiết giảm nhẹ. đề nghị xử phạt các bị cáo ở mức thấp nhất đề nghị của Viện kiểm sát.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Cơ quan điều tra Công an huyện K, tỉnh Gia Lai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Vào ngày 12/3/2024, tại buôn I, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai. Bị cáo R' Ô Đ đã có hành vi trộm cắp xe mô tô BKS: 81K9 – 7391 của anh Rcăm T1, có tổng giá trị là 13.200.000 đồng. Ngày 13/3/2024, mặc dù biết rõ tài sản do trộm cắp mà có nhưng bị cáo R Ô T6 vẫn cùng với bị cáo R' Ô Đ đem đi bán cho anh Trần Đình T2 với giá 2.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân.

Bị cáo Đ trực tiếp lén lút, bí mật trộm cắp 01 xe mô tô có giá trị 13.200.000 đồng của bị hại với động cơ, mục đích tư lợi cá nhân và Thừa biết rõ tài sản do phạm tội mà có nhưng vẫn cùng với Đ bán lấy tiền tiêu xài, đã xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân là đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản và Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Hành vi phạm tội của các bị cáo rõ ràng là có lỗi và sai trái với đường lối, chính sách pháp luật hình sự của Nhà nước ta, nay phải chịu trách nhiệm hình sự và hậu quả pháp lý đã gây ra là có căn cứ.

Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung của bản cáo trạng, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ căn cứ để kết luận hành vi của các bị cáo Đ phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” và hành vi của bị cáo T6 phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 323 của BLHS. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa truy tố các bị cáo về các hành vi theo các tội danh trên là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] Về tính chất, vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Các bị cáo Đ và T6 là những người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi nguy hiểm và gây hậu quả xấu cho xã hội làm mất an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn huyện. Nay cần xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo để cá thể hóa hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo là điều cần thiết.

Trong vụ án này thì bị cáo Đ là người khởi xướng, một mình trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên bị cáo phải chịu toàn bộ trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng, nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi của mình, bị cáo tác động gia đình bồi thường cho bị hại 1.600.000 đồng, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, q, s, khoản 1 Điều 51 của BLHS áp dụng cho bị cáo Đ.

Còn bị cáo T6 cũng phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của mình. Bị cáo không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng nhưng có nhân thân xấu là tại bản án số 05/2019/HS-ST ngày 19/3/2009 bị Tòa án nhân dân huyện K tuyên phạt 06 tháng tù về tội Cướp giật tài sản và 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt là 12 tháng tù. Bị cáo đã chấp hành xong bản án này và đã được xóa án tích. Nhưng trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành thật khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi của mình, bị cáo tác động gia đình bồi thường cho bị hại 1.600.000 đồng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, q, s khoản 1 Điều 51 của BLHS được áp dụng cho các bị cáo T6.

Ngoài ra bị cáo Đ là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn, có trình độ nhận thức pháp luật hạn chế, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS áp dụng cho các bị cáo.

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát thì HĐXX thấy bị cáo Đ phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên có đủ điều kiện để xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo có thời gian thử thách theo quy định tại Điều 65 của BLHS mà không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống cộng đồng xã hội.

Còn bị cáo T6 có nhân thân xấu từng bị xử phạt tù nhưng vẫn tiếp tục phạm tội, nên thấy cần thiết phải xử phạt bị cáo hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để nhằm mục đích trừng trị nhưng cũng giúp cho các bị cáo cơ hội sửa chữa lỗi lầm, cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, đồng thời qua đó răn đe và phòng ngừa loại tội phạm này tái diễn trên địa bàn.

Nên cần chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên đối với các bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát: 81K9 – 7391, đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Rcăm T1. Nên HĐXX không xem xét đến nữa.

- 01 (Một) lưỡi kéo bằng kim loại.

- 02 (Hai) bình sơn màu trắng, có dòng chữ “WIN”, đã qua sử dụng.

Là vật chứng không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (Một) biển số xe mô tô: 78H5 – 8954 chưa xác định được chủ sở hữu nên thấy cần phải giao cho Đội Cảnh sát giao thông Công an huyện K quản lý.

[5] Về trách nhiệm dân sự và vấn đề liên quan khác:

Bị hại anh Rcăm T1, chị Kpă H không yêu cầu bị cáo Đ bồi thường thêm. Ông Trần Đình T2 có đơn xin xét xử vắng mặt yêu cầu 02 bị cáo trả số tiền bán xe là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) thì được các bị cáo đồng ý. Xét thấy thỏa thuận này thể hiện ý chí hoàn toàn tự nguyện giữa các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đồng thời cũng không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên HĐXX ghi nhận trong bản án và buộc các bị cáo phải thực hiện.

Đối với những phần bị tháo ra gồm: nhựa ốp mặt nạ trước và hai bên cánh yếm, nhựa ốp cụm đèn sau, 01 bóng đèn sau của xe mô tô BKS: 81K9 – 7391, Cơ quan CSĐT cùng người vi phạm và Công an xã tổ chức truy tìm, nhưng không thấy. Nên HĐXX không xem xét đến nữa.

Đối với hành vi anh Nguyễn Đình T5 mua xe của bị cáo Đ và Thừa không biết tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự với anh T5 là phù hợp. Nay HĐXX không xem xét đến.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Do các bị cáo không có nghề nghiệp gì. Bản thân không có tài sản riêng gì cho nên HĐXX quyết định không phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về án phí:

Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo R’ Ô Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và bị cáo R Ô T6 phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của BLHS:

Xử phạt bị cáo R' Ô Đ 07 (*Bảy*) tháng tù nhưng được hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (*Mười bốn*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 08/01/2025.

Giao người được hưởng án treo R' Ô Đ cho UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 323; Điều 38; điểm b, q, s khoản 1 Điều 51 của BLHS:

Xử phạt bị cáo R Ô T6 08 (*T7*) tháng tù, Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Áp dụng Điều 46, Điều 48 của BLHS; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo R' Ô Đ và R Ô T6 mỗi bị cáo phải bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Đình T2 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Căn cứ Điều 47 của BLHS, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Giao cho Đội Cảnh sát giao thông Công an huyện K, tỉnh Gia Lai quản lý 01 (*Một*) biển số xe mô tô: 78H5 – 8954.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (*Một*) lưỡi kéo bằng kim loại.
- 02 (*Hai*) bình sơn màu trắng, có dòng chữ “WIN”, đã qua sử dụng.

Đặc điểm chi tiết vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 19/9/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, tỉnh Gia Lai và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

5. Căn cứ vào Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo R' Ô Đ và R Ô T6 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo, người đại diện theo pháp luật của bị các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/01/2025), còn người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án Nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND h. K;
- Công an h. K;
- Bị cáo; Người ĐDTPL của bị cáo;
- Bị hại, người có QL&NVLQ;
- Người bào chữa cho các bị cáo;
- Chi cục THADS h. K;
- Lưu HS vụ án, THAHS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Khắc Toàn